HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2022/NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Thực hiện Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XV hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 138/TTr-BDT ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022/.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Luật Tiếp công dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.

3. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do cử tri tỉnh Thái Nguyên bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Quyết định những vấn đề của tỉnh trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của pháp luật.

4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

5. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình.

Chương II

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 4. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, trường hợp không tham dự được thì phải có lý do, phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đó.

2. Trong kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiêm túc chấp hành Nội quy kỳ họp.

b) Tham gia thảo luận và quyết định chương trình kỳ họp.

c) Tham gia thảo luận tại phiên họp toàn thể, thảo luận ở Tổ thảo luận hoặc Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.

d) Biểu quyết những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp theo sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

3. Hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo Quy chế tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

4. Tham gia hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi được phân công hoặc mời dự. Trong trường hợp đại biểu tự mình thực hiện giám sát ngoài kỳ họp, phiên họp phải dự kiến xây dựng chương trình giám sát gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (qua Tổ trưởng Tổ đại biểu) trước ngày 01 tháng 12 hằng năm. Chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 24 của Quy chế này.

5. Liên hệ chặt chẽ với cử tri địa phương, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan nhà nước hữu quan trên địa bàn tỉnh.

a) Tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong trường hợp không thể tham gia tiếp xúc cử tri, thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện nơi đại biểu được bầu.

b) Tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri chuyên đề theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cũng có thể tiếp xúc cử tri ở nơi cư trú, nơi làm việc hoặc trực tiếp gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm.

d) Trong trường hợp thấy cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị của cử tri gửi tới cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết, đồng thời gửi đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (nơi đại biểu sinh hoạt), Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo.

đ) Ít nhất mỗi năm một lần, kết hợp với việc tiếp xúc cử tri, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với cử tri nơi mình là đại biểu về hoạt động trong năm, nhiệm vụ năm tới của đại biểu, của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; thời gian dành cho việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được tính vào thời gian làm việc của đại biểu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mà đại biểu làm việc và được đảm bảo trả lương, phụ cấp, các chế độ khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đài thọ. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc có trách nhiệm sắp xếp công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm nhiệm vụ đại biểu.

7. Tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Chủ động xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nếu không còn công tác và không cư trú trên địa bàn tỉnh.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu phải đeo phù hiệu đại biểu Hội đồng nhân dân, trong một số trường hợp cần thiết phải xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Toà án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn.

2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện; giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương. Khi xét thấy cần thiết, có thể gửi văn bản kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát các vụ việc nổi cộm, bức xúc trên địa bàn.

3. Gửi kiến nghị bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu; tổ chức họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh; kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

4. Kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi đến Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Yêu cầu các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khi đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu.

7. Được cấp Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; được hưởng quyền miễn trừ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; được cấp hoạt động phí hằng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định.

8. Đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ đại biểu.

9. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nơi đại biểu đến nhận công tác theo phân công, điều động của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Quy định về cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không còn công tác tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu thì phải xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

Việc chấp nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trình tự, thủ tục xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định của Nội quy kỳ họp.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu biết nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị khởi tố bị can thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm chức vụ trong Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 7. Quy định về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cử tri bãi nhiệm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc theo đề nghị của

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành; đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mất quyền đại biểu kể từ ngày nghị quyết về việc bãi nhiệm đại biểu được thông qua.

4. Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo trình tự do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Chương III

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 8. Quy định chung về Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử, trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định số lượng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành nghị quyết thành lập Tổ đại biểu và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Quyết định việc chuyển sinh hoạt của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đến Tổ đại biểu nơi đại biểu đến nhận công tác theo phân công, điều động của cấp có thẩm quyền.

4. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào kế hoạch công tác hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, tình hình thực tế của địa phương và ý kiến của cử tri để xây dựng kế hoạch công tác của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tạo điều kiện cho các đại biểu trong Tổ thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xây dựng kế hoạch công tác, giám sát hằng năm gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác.

2. Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện hoạt động giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền sau khi đã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc thực hiện giám sát về các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

3. Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân theo Quy chế tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

4. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh hoặc tiếp xúc cử tri tại nơi cư trú, nơi làm việc theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

5. Trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh họp để nghiên cứu tài liệu, thảo luận, đóng góp ý kiến tham gia các nội dung của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; các nội dung công việc khác theo thẩm quyền và chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể mời Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện dự và tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Họp kiểm điểm và xét thi đua hằng năm, nhiệm kỳ đối với tập thể và cá nhân các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác 6 tháng (trước ngày 30 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 30 tháng 11) với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ sau:

a) Điều hành công việc của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì cuộc họp của Tổ đại biểu và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Thay mặt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ký ban hành các văn bản và kế hoạch công tác, giám sát hằng năm gửi tới các thành viên trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Tổ chức thực hiện hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Giữ mối liên hệ thường xuyên với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử, công tác để tổ chức và bảo đảm các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Đề xuất phân công đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân định kỳ tại Trụ sở Tiếp công dân của cấp huyện.

f) Phân công đại biểu đại diện Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi được mời.

g) Quản lý, thanh quyết toán kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

h) Báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri, kết quả giám sát và kết quả công tác với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Tổ trưởng thực hiện những nhiệm vụ được phân công và được ủy quyền khi Tổ trưởng vắng mặt; tổng hợp xây dựng dự thảo các văn bản của Tổ và ghi biên bản các cuộc họp Tổ.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo mẫu chữ ký), là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu Hội đồng nhân tỉnh ban hành.

Chương IV

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu ra, gồm có: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 12. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản cá biệt để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch giám sát của mình, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp; phân công Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét báo cáo kết quả giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh khi cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

5. Giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc tổ chức phiên chất vấn giữa các kỳ họp.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình về những vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

7. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo Quy chế tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

8. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp; tiếp xúc cử tri chuyên đề, lĩnh vực; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

9. Phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh trong số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và việc cho thôi làm Ủy viên các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

10. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết; phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết.

13. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

14. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; mỗi năm hai lần thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

15. Hằng năm, căn cứ tình hình thực tiễn và nhiệm vụ công tác, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

16. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa để phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; bảo đảm sự liên thông về dữ liệu giữa Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan.

17. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát; khi xét thấy cần thiết, có thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về kết quả giám sát hoặc về chất vấn.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh, các tổ chức xã hội khác và công dân.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm

vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nhiệm vụ cụ thể của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 15. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần; khi xét thấy cần thiết, có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh vắng mặt thì một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đại diện lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đại diện Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi bàn về vấn đề có liên quan.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh**,** các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chủ động chuẩn bị các nội dung thuộc chương trình

phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương V

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 16. Số lượng thành viên, cơ cấu thành phần

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập 04 Ban gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - ngân sách, Ban Văn hóa - xã hội, Ban Dân tộc.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 17. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

Điều 18. Chế độ làm việc

1. Căn cứ Quy chế này, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Hằng năm, căn cứ Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ, chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch công tác và chương trình giám sát của mình.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Các thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

4. Báo cáo kết quả công tác với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm; báo cáo công tác với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữa hai kỳ họp.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Ban do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

4. Giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách.

5. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.

9. Cử thành viên Ban tham gia đoàn công tác, giám sát, khảo sát theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

10. Hằng năm căn cứ vào tình hình thực tiễn có thể tổ chức để các thành viên Ban đi học tập, trao đổi kinh nghiệm hoạt động.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham gia các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

b) Chỉ đạo, điều hành công việc chung của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành.

c) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban, chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban.

d) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức ở địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực hoạt động của Ban do Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh mời.

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban theo chương trình, kế hoạch đã được tập thể Ban thông qua hoặc theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả thẩm tra của Ban tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

h) Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn danh sách Ủy viên hoặc cho thôi làm Ủy viên của Ban.

i) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Ban.

2. Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban theo sự phân công hoặc ủy quyền của Trưởng ban.

3. Các Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; thực hiện các nhiệm vụ được Trưởng ban phân công. Ủy viên của Ban hoạt động kiêm nhiệm phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ của Ban và nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 21. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp công tác với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị hoặc yêu cầu; phối hợp và mời các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia nghiên cứu, đóng góp ý kiến trong quá trình chuẩn bị nội dung liên quan để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành nghị quyết khi xét thấy cần thiết.

5. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác theo các Quy chế phối hợp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ký với các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 22. Nguyên tắc giám sát

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm đúng nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

3. Được tiến hành thường xuyên, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.

4. Kịp thời báo cáo kết quả giám sát theo kế hoạch công tác và chương trình giám sát; chú trọng công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 23. Thẩm quyền giám sát

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp huyện; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện; giúp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách và theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền và theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi quyền hạn của mình giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương.

Điều 24. Chương trình giám sát hằng năm

1. Chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định vào kỳ họp giữa năm của năm trước và được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và cử tri ở địa phương gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và lập Tờ trình dự kiến chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Tờ trình về dự kiến chương trình giám sát.

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chương trình giám sát hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo trình tự sau:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và ý kiến, kiến nghị của cử tri địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình.

Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát năm sau của Thường trực Hội đồng

nhân dân tỉnh. Đề nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp đề nghị giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định ban hành chương trình giám sát của năm sau.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trình dự kiến chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết về chương trình giám sát.

3. Chương trình giám sát hằng năm của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các thành viên, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh lập, xem xét, quyết chương trình giám sát năm tiếp theo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

b) Chương trình giám sát hằng năm của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phải được báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành.

c) Trưởng Ban có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình giám sát.

4. Chương trình giám sát hằng năm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

Căn cứ chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế tại địa bàn, Tổ trưởng Tổ đại biểu họp và thống nhất với các thành viên trong Tổ về chương trình giám sát năm tiếp theo trước ngày 31/12 hằng năm. Chương trình giám sát hằng năm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Chương trình giám sát hằng năm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

Trong trường hợp cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể dự kiến chương trình giám sát năm sau của mình gửi đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (thông qua Tổ trưởng Tổ đại biểu) trước ngày 01/12 hằng năm.

6. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Tờ trình về dự kiến chương trình giám sát bao gồm: Tổng hợp ý kiến, đề nghị giám sát của các các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và cử tri ở địa phương; dự kiến nội dung chương trình giám sát; sự cần thiết, đối tượng, phạm vi giám sát; dự kiến cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát; biện pháp tổ chức thực hiện; các vấn đề liên quan khác (nếu có).

b) Báo cáo tổng hợp các nội dung giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện trong 02 (hai) năm trước thời điểm đề xuất.

c) Dự thảo Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự kiến chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát hằng năm:

a) Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được tích hợp trong kế hoạch công tác hằng năm.

c) Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát cần nêu rõ mục đích, yêu cầu; phân công các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện; tiến độ, công tác tổ chức, phối hợp thực hiện; trách nhiệm lồng ghép nội dung giám sát về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tội phạm. Trường hợp nội dung giám sát liên quan đến lĩnh vực phụ trách của nhiều cơ quan khác nhau thì kế hoạch nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

8. Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp thường lệ giữa năm của năm sau.

Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao chủ trì thực hiện nội dung trong chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi báo cáo về kết quả thực hiện chương trình giám sát của năm trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Báo cáo gồm các nội dung: Đánh giá kết quả đạt được; mức độ hoàn thành chương trình giám sát; tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; trách nhiệm của các cơ quan liên quan; đề xuất, kiến nghị và các phụ lục kèm theo (nếu có).

b) Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện chương trình giám sát.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo hoạt động giám sát hằng năm và các hoạt động giám sát khác (nếu có) gửi về Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 25. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 29 của Quy chế này.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

3. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

Điều 26. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 27. Hoạt động giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Điều 28. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Giám sát về các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát thông qua các hoạt động sau:

a) Chất vấn những người bị chất vấn quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

b) Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

c) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương.

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Điều 29. Xem xét báo cáo

1. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo sau:

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

b) Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về: Kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri.

c) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

d) Báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân (nếu có); báo cáo về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tại kỳ họp tổng kết cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh,

các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh.

3. Theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo.

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra.

c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.

5. Nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo phải có những nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu.

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập.

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân.

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về giám sát.

Điều 30. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hồ sơ, tài liệu gửi thẩm tra gồm:

a) Báo cáo, đề án, tờ trình chính thức trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Dự thảo nghị quyết.

c) Đối với dự thảo nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh trình phải có báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

Đối với dự thảo nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật do Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trình phải có văn bản tham gia ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý.

đ) Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đối với những nội dung phải xin ý kiến theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên Khóa XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

e) Tài liệu khác (nếu có).

3. Nội dung thẩm tra dự thảo nghị quyết:

a) Nội dung dự thảo nghị quyết và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

c) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật.

4. Phiên họp thẩm tra được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan có báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình bày.

b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự phiên họp phát biểu ý kiến.

c) Các thành viên của Ban thảo luận.

d) Đại diện lãnh đạo cơ quan có báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình bày, giải trình bổ sung.

đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

e) Các thành viên Ban biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

5. Nội dung báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

6. Quy trình thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết tại kỳ họp thường lệ như sau:

a) Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, cơ quan trình báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết gửi toàn bộ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân công thẩm tra.

b) Chậm nhất là 18 (mười tám) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, giấy mời dự Hội nghị thẩm tra và các tài liệu thẩm tra (bản giấy hoặc bản điện tử) được gửi đến các thành viên của Ban và các đại biểu được mời dự.

c) Chậm nhất là 12 (mười hai) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành tổ chức Hội nghị thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết được phân công.

d) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, báo cáo thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được thành viên của Ban thông qua và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo.

7. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời chuyên gia tư vấn về các nội dung thẩm tra hoặc tổ chức khảo sát, thu thập thông tin để phục vụ hoạt động thẩm tra.

8. Thời gian thực hiện quy trình thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc thẩm tra bổ sung các nội dung phát sinh trong thời gian chuẩn bị kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 31. Quy định về chất vấn và trả lời chất vấn

1. Tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn:

a) Vấn đề bức xúc, nổi lên trong đời sống kinh tế - xã hội của địa phương, được nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cử tri quan tâm.

b) Vấn đề có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tội phạm, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri và các quy định khác của pháp luật.

c) Vấn đề đã được người bị chất vấn trả lời trực tiếp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trả lời bằng văn bản nhưng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời.

d) Vấn đề khác nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước hoặc qua khảo sát, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập cần được chất vấn để làm rõ và đưa ra những yêu cầu, giải pháp để kịp thời khắc phục.

2. Chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể lựa chọn hình thức chất vấn trực tiếp tại kỳ họp hoặc gửi phiếu chất vấn (theo mẫu do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cung cấp). Phiếu chất vấn phải ghi rõ nội dung chất vấn, người bị chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước phiên họp chất vấn.

b) Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn theo trình tự sau:

Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh gửi bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, đề xuất vấn đề chất vấn của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thành việc tổng hợp đề xuất vấn đề chất vấn của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Người bị chất vấn được lựa chọn phù hợp với nhóm vấn đề chất vấn; thực hiện trả lời chất vấn trực tiếp tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trả lời bằng văn bản (do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định) về những vấn đề mà đại biểu đã chất vấn.

Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

d) Người đã trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đã gửi văn bản trả lời chất vấn cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau: Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp; vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh; chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

e) Thời gian chất vấn và trả lời chất vấn: Mỗi lần chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn không quá 03 (ba) phút. Người bị chất vấn trả lời chất vấn của một đại biểu không quá 07 (bảy) phút. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa kỳ họp quyết định việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn cho phù hợp.

g) Phiên họp chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi chất vấn bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hình thức trả lời chất vấn:

Chuyển ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đến người bị chất vấn. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến chất vấn. Trong trường hợp không được trả lời hoặc không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu Hội đồng

nhân dân tỉnh có thể đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Tổ chức chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ban hành nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

a) Nội dung dự thảo nghị quyết phải đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến vấn đề chất vấn; thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập; trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân; trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về chất vấn.

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Tổ Thư ký kỳ họp tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và người bị chất vấn để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo nghị quyết về chất vấn, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại phiên bế mạc kỳ họp.

4. Chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 32. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật. Yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được lập thành văn bản gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ban Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

b) Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

c) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biết việc giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

c) Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Riêng đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp giao cho Ban Pháp chế chủ trì thẩm tra.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự sau đây:

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày.

Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra.

Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Chủ tọa cuộc họp kết luận.

đ) Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của mình theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự sau đây:

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày tờ trình.

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan.

Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về việc xem xét văn bản.

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Điều 33. Lấy phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức lấy phiếu tín nhiệm một lần trong mỗi nhiệm kỳ vào kỳ họp thường lệ cuối năm năm thứ ba của nhiệm kỳ.

3. Quy trình lấy phiếu tín nhiệm tại Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

a) Người được lấy phiếu tín nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này có báo cáo bằng văn bản theo mẫu quy định gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi báo cáo của người được lấy phiếu tín nhiệm và báo cáo tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến người được lấy phiếu tín nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh (nếu có) đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thấy cần làm rõ vấn đề liên quan đến người được lấy phiếu tín nhiệm thì chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh và trả lời bằng văn bản.

d) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể gửi văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và người được lấy phiếu tín nhiệm để yêu cầu người được lấy phiếu tín nhiệm làm rõ những nội dung thuộc căn cứ đánh giá tín nhiệm. Người được lấy phiếu tín nhiệm có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có yêu cầu trước ngày lấy phiếu tín nhiệm.

đ) Tại kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm.

Trước khi tiến hành lấy phiếu tín nhiệm, Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về các vấn đề có liên quan đến việc

lấy phiếu tín nhiệm. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thảo luận tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Ban kiểm phiếu.

g) Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín. Trên phiếu ghi rõ họ tên, chức vụ của người được lấy phiếu tín nhiệm, các mức độ: "tín nhiệm cao", "tín nhiệm", "tín nhiệm thấp".

h) Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu;

i) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức.

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm.

Điều 34. Bỏ phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu trong các trường hợp sau đây:

a) Có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Quy trình bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có quyền trình bày ý kiến của mình trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Ban kiểm phiếu.

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín. Trên phiếu ghi rõ họ tên, chức vụ của người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm, các mức độ: "tín nhiệm", "không tín nhiệm".

e) Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu đối với người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm.

g) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

Điều 35. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

2. Phiên giải trình được tổ chức công khai và có thể được truyền hình truyền thanh trực tiếp theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình, trình tự tiến hành phiên giải trình được thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề đã giải trình; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 36. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu và chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết, đồng thời thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị tại địa phương.

4. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết; báo cáo Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Điều 37. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri:

Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tỉnh trình bày báo cáo.

b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra.

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 38. Giám sát chuyên đề

1. Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình giám sát hằng năm.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Điều 39. Quy trình giám sát chuyên đề

1. Tiêu chí lựa chọn chuyên đề giám sát:

a) Là vấn đề bức xúc ở địa phương hoặc vấn đề có ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh được đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cử tri và Nhân dân quan tâm gắn với việc xây dựng, thi hành chính sách, pháp luật, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại địa phương.

b) Không thuộc phạm vi điều chỉnh của các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật khác của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh mới có hiệu lực thi hành trong thời gian 12 (mười hai) tháng tính đến thời điểm đề xuất, trừ các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, pháp luật cụ thể để giải quyết vấn đề cấp bách về thiên tai, dịch bệnh, các vấn đề cấp thiết khác.

c) Không trùng nội dung với các chuyên đề giám sát đã được Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành giám sát trong khoảng thời gian ít nhất là 02 (hai) năm tính đến thời điểm đề xuất, trừ trường hợp giám sát lại nội dung đã được giám sát do đối tượng chịu sự giám sát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các kiến nghị giám sát.

d) Bảo đảm tính toàn diện, sự cân đối và phù hợp giữa các lĩnh vực.

đ) Các tiêu chí khác do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với yêu cầu giám sát và thực tiễn của địa phương.

2. Thành lập Đoàn giám sát

a) Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh do một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Nghị quyết hoặc quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

đ) Thành viên Đoàn giám sát gồm: Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

e) Trình tự quyết định thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì nội dung giám sát chuyên đề có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chuẩn bị dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì nội dung giám sát phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp thu, hoàn thiện các dự thảo gửi xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách.

Trên cơ sở ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì nội dung giám sát phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân

tỉnh hoàn thiện báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát:

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo.

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ban hành, nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày Đoàn tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát.

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm.

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết.

e) Trường hợp cần thiết, Đoàn giám sát tổ chức hội nghị để triển khai hoạt động, tổ chức hội thảo, tọa đàm, khảo sát thực tế để thu thập thông tin, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát và chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày tổ chức hội thảo, tọa đàm, khảo sát thực tế, Đoàn giám sát xây dựng nội dung, chương trình yêu cầu báo cáo gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để triển khai thực hiện.

g) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

h) Trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát:

Đối với giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh: Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại kỳ họp gần nhất; trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát.

Đối với giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp thường lệ cuối năm.

Đối với giám sát chuyên đề của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để thảo luận, thống nhất báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau:

Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình.

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan.

Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nội dung nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cụ thể như sau: Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập| liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời gian khắc phục hạn chế, bất cập. Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết giám sát chuyên đề được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan.

Chủ tọa cuộc họp kết luận. Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, Ban tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

Ban của Hội đồng nhân dân thảo luận.

Chủ tọa phiên họp kết luận. Ban của Hội đồng nhân dân biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

Báo cáo kết quả giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết, được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 40. Quy trình giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát hằng năm và phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi triển khai thực hiện.

a) Nội dung Kế hoạch giám sát gồm: Mục đích, yêu cầu, nội dung, đối tượng, hình thức, thành phần tham gia Đoàn giám sát, phân công nhiệm vụ thành viên Đoàn giám sát.

b) Thành phần đoàn giám sát gồm: Thành viên tổ đại biểu; đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có thể được mời tham gia giám sát.

c) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là Trưởng đoàn giám sát; chịu trách nhiệm về công tác tổ chức thực hiện hoạt động giám sát của Tổ đại biểu trước Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Khi tiến hành giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát.

b) Có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát gửi đến; tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tham gia ý kiến để làm rõ những vấn đề liên quan, tham gia góp ý vào dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo sự phân công của Tổ trưởng.

c) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giải quyết thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết.

4. Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất là 12 (mười hai) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát.

Điều 41. Đảm bảo việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát

1. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát

a) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động theo dõi, kịp thời đôn đốc cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát.

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu trong nghị quyết, kết luận, kiến nghị thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải trình về việc chậm thực hiện hoặc không thực hiện và làm rõ trách nhiệm, đề xuất biện pháp xử lý.

2. Xem xét, giám sát việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chậm nhất là ngày 30 tháng 3 và ngày 30 tháng 8 hằng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó làm rõ những nội dung chưa được cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu (nếu có) để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đối với những nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát cần trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh sớm hơn, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả thực hiện theo đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp gần nhất.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu trong nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát theo trình tự sau đây:

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo về việc cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu trong nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát báo cáo, giải trình.

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phát biểu ý kiến.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Chủ tọa phiên họp kết luận.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc ban hành kết luận về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh bao gồm những nội dung sau đây: Đánh giá kết quả việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu sự giám sát; những yêu cầu cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó nêu rõ yêu cầu thực hiện, thời hạn thực hiện; biện pháp xử lý nếu tiếp tục không

thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu đối với những vấn đề đã kết luận, kiến nghị.

3. Xem xét, ban hành nghị quyết về thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự sau đây:

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát báo cáo, giải trình.

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát. Nghị quyết bao gồm các nội dung sau: Đánh giá kết quả việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu sự giám sát; những yêu cầu cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó nêu rõ yêu cầu thực hiện, thời hạn thực hiện; biện pháp xử lý nếu tiếp tục không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu đối với những vấn đề đã kết luận, kiến nghị.

b) Nghị quyết về giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh có giá trị pháp lý bắt buộc thực hiện.

Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện những vấn đề đã được Hội đồng nhân dân tỉnh kết luận, kiến nghị, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai kết quả giám sát trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để cử tri và Nhân dân theo dõi, giám sát, trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ của mình, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giám sát; thực hiện kết luận, kiến nghị sau giám sát.

Chương VII

TỔ CHỨC KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 42. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân là hình thức hoạt động chủ yếu của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi năm hai kỳ.

3. Kỳ họp thường lệ: Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định vào Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh họp công khai. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định họp kín theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành kỳ họp theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hình thức tổ chức kỳ họp.

Điều 43. Kỳ họp thường lệ

1. Tại kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Ban hành nghị quyết để quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

b) Xem xét các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Quy chế này. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ban hành nghị quyết về công tác của các cơ quan đó.

c) Xem xét báo cáo kết quả giám sát, trong trường hợp cần thiết có thể ban hành nghị quyết về vấn đề được giám sát.

d) Nghe Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp, báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát

của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; nghe Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị.

2. Việc chuẩn bị kỳ họp thường lệ được tiến hành như sau:

a) Trước khi tổ chức Hội nghị liên tịch để chuẩn bị nội dung kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chậm nhất là 40 (bốn mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức họp liên tịch với Uỷ ban nhân dân tỉnh, các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

c) Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Đảng Đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

d) Chậm nhất là 25 (hai mươi lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thông báo dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh xây dựng và ban hành kế hoạch tiếp xúc cử tri.

đ) Chậm nhất là 22 (hai mươi hai) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi tài liệu phục vụ tiếp xúc cử tri đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri.

g) Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp.

h) Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu khác của kỳ họp phải được các cơ quan hữu quan gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân công thẩm tra.

i) Chậm nhất là 12 (mười hai) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành họp thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

k) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

Báo cáo Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung chính thức của kỳ họp và chương trình điều hành kỳ họp chi tiết.

Tổ chức họp báo để thông báo về ngày họp, nơi họp và dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp để Nhân dân được biết.

l) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

m) Chậm nhất là 7 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

Gửi báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

Gửi giấy mời dự kỳ họp đến các đại biểu không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Gửi toàn bộ tài liệu kỳ họp đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Sau ngày bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri; kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri được báo cáo tại kỳ họp thường lệ gần nhất.

4. Trong trường hợp cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ sung nội dung trình kỳ họp; đồng thời quyết định thời gian gửi tài liệu, thẩm tra đối với nội dung bổ sung.

Điều 44. Kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp chuyên đề chậm nhất là 7 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp; quyết định

triệu tập kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Thời gian chuẩn bị kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 45. Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ

Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền trong cả nhiệm kỳ.

Điều 46. Quy định về Chủ tọa kỳ họp, Thư ký phục vụ kỳ họp và trình tự thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện theo quy định của Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 47. Biên bản kỳ họp

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải ghi biên bản.

2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gồm biên bản các phiên họp tại kỳ họp, biên bản tóm tắt kết quả kỳ họp và biên bản bầu cử các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Biên bản phải phản ánh đầy đủ ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Biên bản kỳ họp do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp ký tên.

Điều 48. Ban hành nghị quyết

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

2. Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, biên bản của kỳ họp và toàn bộ tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải

được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được đăng công báo địa phương, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Rút kinh nghiệm kỳ họp

1. Chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp rút kinh nghiệm kỳ họp.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Tổ Thư ký kỳ họp tham mưu xây dựng báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp, chỉ ra những ưu điểm và những vấn đề cần rút kinh nghiệm, giải pháp khắc phục trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

Chương VIII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 50. Mối quan hệ với các cơ quan Trung ương

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối quan hệ công tác với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành của Trung ương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện để Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các ban, bộ, ngành Trung ương khi về làm việc ở địa phương.

Điều 51. Mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong việc chuẩn bị và tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, khảo sát và phối hợp giải quyết công việc giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 52. Mối quan hệ công tác với các cơ quan nhà nước khác ở địa phương

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc theo dõi, đánh giá hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ.

2. Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và cấp huyện nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử để tổ chức các cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, tổ chức các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này.

Chương IX

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 53. Trụ sở làm việc, con dấu và cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh có Trụ sở làm việc tại số 18 đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng.Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh là Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 54. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh do ngân sách tỉnh đảm bảo. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 55. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 56. Công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng nhân dân tỉnh

Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng nhân dân tỉnh./.